TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 54/2022/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 04 tháng 5 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 40/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T sinh năm 1988

ĐKHKTT: Khu 9, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị Hà Khánh L, sinh năm 1993

ĐKHKTT: Khu 9, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Khu 6, xã C, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đên vụ án:

1/ Bà Trần Thị H, sinh năm 1962

ĐKHKTT: Khu 9, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

2/ Chị Trần Thị S, sinh năm 1985

ĐKHKTT: Khu 9, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 4 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyễn Văn T và chị Hà Khánh L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thế T sinh ngày 24/3/2014 cho anh

Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Linh C sinh ngày 15/01/2018 cho chị Hà Khánh L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Hai bên có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: Các bên thống nhất thỏa thuận và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của họ như sau: Giao cho anh Nguyễn Văn T được quyền sử dụng 01 thửa đất số 310, tờ bản đồ số 21, diện tích 682m2 (trong đó có 50m2 đất ở, 632m2 đất vườn), địa chỉ thửa đất Khu 9, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ, giấy CNQSDĐ đứng tên ông Nguyễn Văn T , bà Hà Khánh L do UBND huyện P cấp ngày 05/6/2014 trị giá 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và được sở hữu : 01 nhà cấp 4, xây năm 1994 diện tích là 55,9m2; 01 bếp tường xây gạch chỉ đỏ; 01 nhà tắm xây gạch chỉ và một số cây cối trên đất gồm: 04 cây xoan đường kính 10-15cm; 01 cây xoan đường kính 15-20cm; 06 cây mít đường kính 5-10cm; 02 cây mít đường kính 10-15cm; 01 cây mít đường kính 30-35cm; 01 cây ổi đường kính 10-15cm; 20 cây chuối chưa có quả; 01 cây đu đủ cao 2m; diện tích dứa 10m2; 02 cây bưởi 10 – 15cm; 01 cây xoài đường kính 35-40cm; 01 cây na 5-10cm; 01 cây vải đường kính 25-30cm; 01 cây chanh đường kính 5cm; 01 bụi cây si đường kính 60cm; 01 bụi hoa mẫu đơn; 01 cây cau thân cao hơn 2m; 02 cây cau thân cao nhỏ hơn 2m; 01 cây quất hồng bì 10- 15cm. Anh Nguyễn Văn T không phải thánh toán tiền chênh lệch tài sản cho chị Hà Khánh L và bà Trần Thị H. Do chị Linh và bà H không yêu cầu.

- Về nợ: Anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm trả cho chị Trần Thị S 70.000.000đồng (Bảy mươi triệu đồng).

- Về tài sản riêng: Anh T, chị L không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công sức đóng góp: Anh T, chị L, bà H thống nhất không có công sức nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày chị Trần Thị S có đơn đề nghị thi hành án cho đến khi thi hành án xong. Anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về án phí: Anh Nguyễn Văn T xin chịu cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số AA/2020/0001383 ngày 18/3/2022 và 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) tại biên lai số AA/2020/0001384 ngày 18/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Thọ. Trả lại cho anh Nguyễn Văn T 12.150.000đ (Mười hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự*

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện P, tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã P,huyện P, tỉnh Phú Thọ.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Cao Thị Đào